

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HC-ST

Ngày 23 - 01 - 2024

Về việc: Kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Tuyết**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

2. Ông KPã Y Khoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Vương Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 169/2024/TLST-HC ngày 18/10/2023 về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HC ngày 23/01/2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: **Đỗ Thị Thanh T**; địa chỉ: **4 H, phường T, TP B, Đắk Lắk** (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Đào Cao D**; địa chỉ: **4 H, phường T, TP B, Đắk Lắk** (có mặt).

Người được uỷ quyền lại: Ông **Nguyễn Xuân B**; địa chỉ: **Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (có mặt).

Người bị kiện: Ủy ban Nhân dân thành phố B.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: Ông **Lê Đại T1** – Chức vụ: Phó Chủ tịch **UBND thành phố B** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông **Phạm Văn N** – Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng - Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Đào Cao D**; địa chỉ: **4 H, phường T, TP B, Đắk Lắk** (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Đào Cao D**: Ông **Nguyễn Xuân B**; địa chỉ: **Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (có mặt).

2. Ông **Đào Bảo L** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà **Đào Phương Nhật L1** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **4 H, phường T, TP B, Đắk Lắk**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền và người được uỷ quyền lại của người khởi kiện trình bày:

Ngày 01/7/1998 gia đình bà **Đỗ Thị Thanh T** ký Hợp đồng nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp số 167/HĐKT với **Công ty Cà phê Buôn Ma Thuật tỉnh Đ** với diện tích đất nhận khoán là 9.855 m² tại thửa đất số: 33, 34; tờ bản đồ số: 03 (nay là thửa đất số 92 tờ bản đồ số 27) vị trí đất tại **phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, thời gian nhận khoán từ 01/7/1998 đến hết ngày 31/12/2020.

Ngày 04/01/2017 **Ủy ban Nhân dân tỉnh Đ** Quyết định số: 07/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là quyết định 07) về việc thu hồi 5.138.059,7m² đất sản xuất nông nghiệp của **Công ty TNHH MTV C** giao cho Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Đắk Lắk và **UBND thành phố B** lập kế hoạch khai thác sử dụng đất, trong đó có thu hồi 9.855 m² đất nhận khoán của gia đình bà **Đỗ Thị Thanh T**. Tuy nhiên, từ thời điểm có quyết định 07 nêu trên thì gia đình bà **T** vẫn sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến ngày bàn giao đất (năm 2021 bàn giao một phần và năm 2023 bàn giao hết phần đất còn lại).

Năm 2021, **UBND thành phố B** ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường xây dựng công trình đợt 1 với diện tích 3.343m²/9.855 m² diện tích còn lại theo hợp đồng là: 6.512m² (Theo diện tích đo đạc thực tế 9.535,8m² - 3.343m² = 6.192,8m² giảm diện tích so với hợp đồng là 319,2 m²).

Đến ngày 23/12/2022, **Ủy ban Nhân dân thành phố B** tiếp tục thu hồi đất lần thứ hai và ban hành Quyết định số 10348/QĐ-UBND “về việc phê duyệt phương án bồi thường chi phí tổ chức bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất tại **đường C TDP D phường T T tỉnh Đắk Lắk** (Đợt 3) đối với hộ gia đình bà **T** đối với diện tích thực tế sử dụng 4.833,7m². Trong khi đó, chúng tôi bị thu hồi toàn bộ diện tích 6.192,8m² theo quyết định thu hồi này nhưng **UBND thành phố B** không đền bù đối với diện tích 1.390,8 m² vì lý do diện tích đất này không nằm trong hợp đồng liên kết (trong đó có 1.068,6 m² là đất giao thông và 322,2 m² là sai số đo đạc) là không có căn cứ vì chúng tôi nhận khoán theo hợp đồng giao khoán với diện tích là 9.855 m²,

khi nhận khoán toàn bộ diện tích trên là diện tích đất canh tác, hoàn toàn không có đất bờ lô như UBND thành phố B trình bày.

Cũng tại Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 UBND thành phố B chỉ phê duyệt cho gia đình tôi hỗ trợ khác trên diện tích 4.833,7m²; không hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và không hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất là không đúng quy định của pháp luật. Bởi vì, gia đình tôi nhận khoán tổng diện tích 9.855 m², sử dụng ổn định để sản xuất nông nghiệp và không có tranh chấp cho đến thời điểm bàn giao đất cho cơ quan có thẩm quyền vào các năm 2021 và năm 2023. Do đó, gia đình tôi phải được nhận các khoản hỗ trợ theo tổng diện tích đất thu hồi theo đợt 3 là 6.192,8m².

Xét thấy Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 UBND thành phố B “Về phê duyệt phương án bồi thường chi phí tổ chức bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường C TDP D phường T T tỉnh Đắk Lắk (Đợt 3)” đối với hộ gia đình bà T là vi phạm quy định pháp luật và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà T. Do đó, tôi đề nghị Tòa án tỉnh Đắk Lắk tuyên hủy một phần Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 UBND thành phố B “về phê duyệt phương án bồi thường chi phí tổ chức bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường C TDP D phường T T tỉnh Đắk Lắk (Đợt 3)” đối với hộ gia đình bà T và buộc UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt bổ sung đối với khoản hỗ trợ khác trên 1.390,8 m² còn thiếu; bổ sung các khoản hỗ trợ gồm: hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề trên diện tích 6.192,8m² thu hồi của gia đình bà T.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B ông Lê Đại T1 trình bày:

Nguồn gốc sử dụng đất: Hộ bà Đỗ Thị Thanh T nhận khoán đất sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV C tại Hợp đồng số 167/Đ1/2012/HĐ ngày 24/09/2012 tại thửa đất số 33+34, tờ bản đồ số 27, (nay là thửa đất số 92 và 72, tờ bản đồ số 27) tổng diện tích 9.855 m² (Tuy nhiên, Công ty C ký hợp đồng với ông Phạm Văn H là 2000 m² và ký hợp đồng với bà Đỗ Thị Thanh T là 7.855 m², theo kết quả làm việc ngày 09/09/2022 với Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV C).

Năm 2017, UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C (do giải thể) giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất của hộ bà Đỗ Thị Thanh T nhận khoán.

Căn cứ Công văn số 6545/UBND-TH ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh về việc đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND thành phố B phê duyệt 02 đợt tại 02 quyết định như sau:

Đợt 1 tại Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 (được điều chỉnh tại Quyết định số 4652/QĐ-UBND ngày 10/08/2023), với diện thu hồi là 3.343 m², kinh phí phê duyệt là 249.917.945 đồng bao gồm: Chi phí bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, nhà, tài sản vật kiến trúc, Hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm.

Đợt 3 tại Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022, với diện tích thu hồi là 5.902,3 m² với kinh phí là: 1.296.399.361 đồng, bao gồm: Chi phí bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, tài sản vật kiến trúc, các khoản hỗ trợ gồm Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Hiện nay, hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** khởi kiện các nội dung liên quan đến quyết định phê duyệt phương án Đợt 3 tại Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022, của **UBND thành phố B. Ủy ban nhân dân thành phố B** trả lời như sau:

Đối với nội dung khởi kiện của hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại: Căn cứ Điều 3, Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 3, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì Hợp đồng số 167/Đ1/2012/HĐ ngày 24/09/2012 của hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** đã hết hạn ngày 31/12/2020. Do đó không đủ điều kiện để bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Đối với nội dung khởi kiện của hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** đề nghị Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Khoản 1, Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**.

Tại thời điểm **Ủy ban Nhân dân thành phố B** phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Đợt 3 tại Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 thì Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** có hiệu lực (ngày 25/3/2022). Hợp đồng nhận khoán của hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** hết thời hạn (ngày 31/12/2020), do đó hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** thuộc đối tượng Hỗ trợ khác tại Khoản 3, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**, cho nên không thuộc Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại Khoản 1, Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** (*Nội dung này UBND tỉnh Đ đã có ý kiến gửi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 6207/UBND-NNMT ngày 21/7/2023 có nội dung đã hỗ trợ theo Khoản 3, Điều 20 thì không hỗ trợ Điều 18 và ngược lại*).

Đối với nội dung khởi kiện của hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** liên quan đến các khoản hỗ trợ đối với diện tích 1.390,8 m² (trong đó 1.068,6 m² là diện tích đất giao thông và 322,2 m² là sai số đo đạc).

Hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** nhận khoán đất sản xuất cà phê với **Công ty TNHH MTV C** tại Hợp đồng số 167/Đ1/2012/HĐ ngày 24/09/2012 tại thửa đất số 33+34, tờ bản đồ số 27, diện tích 7.855 m². Diện tích thu hồi hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** là 9.245,8 m² (thu hồi tại Đợt 1 là 3.343,5 m², thu hồi tại Đợt 3 là

5.902,3 m²). Căn cứ kết quả xác minh ngày 9/9/2022, thì diện tích tăng so với hợp đồng 1.390,8 m² (trong đó 1.068,6 m² là diện tích đất giao thông và 322,2 m² là sai số đo đạc).

Ủy ban Nhân dân thành phố B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Đợt 3 (Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022) đã thực hiện hỗ trợ với diện tích 322,2 m² (tăng do sai số đo đạc) và không hỗ trợ đối với diện tích 1.068,6 m² lý do bà **Đỗ Thị Thanh T** sử dụng đất giao thông, diện tích đất này không nằm trong hợp đồng liên kết. Căn cứ Khoản 3, Điều 12, Nghị định 47/2014/NĐ-CP “nếu diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có đất xác nhận diện tích nhiều hơn là do khai hoang hoặc nhận chuyển quyền của người sử dụng đất trước đó, đất đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế”, như vậy 1.068,6 m² diện tích tăng thêm của bà **Đỗ Thị Thanh T** đang sử dụng không phải diện tích khai hoang hoặc nhận chuyển nhượng, mà do lấn chiếm và sử dụng diện tích đất giao thông trước đây, do đó diện tích 1.068,6 m² này không xem xét áp dụng các khoản hỗ trợ.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 (được điều chỉnh tại Quyết định số 4652/QĐ-UBND ngày 10/08/2023) và Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 đã đảm bảo quy định của pháp luật; Do đó các nội dung khởi kiện của bà **Đỗ Thị Thanh T** là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét bác đơn của bà **Đỗ Thị Thanh T**

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông **Đào Cao D** thừa nhận Diện tích thu hồi hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** là 9.245,8 m² (trong đó của ông **Phạm Văn H** là 2000 m² và của bà **Đỗ Thị Thanh T** là 7.855 m² đã thu hồi tại Đợt 1 là 3.343,5 m²). Nên ông **D** và người được ủy quyền lại của ông **D** là ông **Nguyễn Xuân B** xin rút yêu cầu buộc UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt bổ sung đối với các khoản hỗ trợ trên 1.390,8 m² còn thiếu. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt bổ sung đối với khoản hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề theo khoản 1, Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND cho hộ gia đình bà **Đỗ Thị Thanh T**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Đỗ Thị Thanh T**.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy

đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án thấy rằng:

Ngày 10/10/2023 bà **Đỗ Thị Thanh T** khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ một phần Quyết định số: 10348/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 **UBND thành phố B** “Về phê duyệt phương án bồi thường chi phí tổ chức bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất tại **đường C TDP D phường T T tỉnh Đắk Lắk** (Đợt 3)” đối với hộ gia đình bà **T** và buộc UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt bổ sung đối với khoản hỗ trợ khác trên 1.390,8 m² còn thiếu; bổ sung các khoản hỗ trợ gồm: hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề trên diện tích thu hồi 6.192,8m² đất của gia đình bà **T**.

Như vậy đối tượng khởi kiện của vụ án là Quyết định số: 10348/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 **UBND thành phố B** “Về phê duyệt phương án bồi thường chi phí tổ chức bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất tại **đường C TDP D phường T T tỉnh Đắk Lắk** (Đợt 3)” vì đây là quyết định hành chính có tính cá biệt, làm phát sinh, thay đổi quyền và lợi ích và làm phát sinh nghĩa vụ đối với hộ gia đình bà **T**.

Quan hệ tranh chấp được xác định là “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc khởi kiện trong hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 30, 32 và Điều 116 của Luật tố tụng Hành chính.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX xét xử vắng mặt những đương sự trên là đúng quy định tại Điều 158 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Hộ gia đình bà **T** sử dụng thửa đất số: 33, 34; tờ bản đồ số: 03 (nay là thửa đất số 92 tờ bản đồ số 27) vị trí đất tại **phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** theo hợp đồng nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp số 167/HĐKT ngày 01/7/1998 với **Công ty Cà phê Buôn Ma Thuột tỉnh Đ**, diện tích đất nhận khoán là 9.855 m², thời gian nhận khoán từ 01/7/1998 đến hết ngày 31/12/2020. Tuy nhiên, theo kết quả làm việc ngày 09/09/2022 với Hội đồng giải thể **Công ty TNHH MTV C** ký hợp đồng với ông **Phạm Văn H** là 2000 m² và ký hợp đồng với bà **Đỗ Thị Thanh T** là 7.855 m².

Ngày 04/01/2017 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đ Quyết định số: 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7m² đất sản xuất nông nghiệp của Công ty TNHH MTV C giao cho Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Đắk Lắk và UBND thành phố B lập kế hoạch khai thác sử dụng đất, trong đó có thu hồi 9.855 m² đất nhận khoán của gia đình bà Đỗ Thị Thanh T là 7.855 m², của gia đình ông Phạm Văn H là 2.000 m². Tại thời điểm có quyết định số 07 nêu trên thì gia đình bà T vẫn sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến ngày bàn giao đất (năm 2021 bàn giao một phần và năm 2023 bàn giao hết phần đất còn lại).

Năm 2021 UBND thành phố B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường xây dựng công trình đợt 1 với diện tích 3.343, 5m² cho hộ gia đình bà T.

Đến ngày 23/12/2022 Ủy ban Nhân dân thành phố B tiếp tục thu hồi đất lần thứ hai và ban hành Quyết định số 10348/QĐ-UBND “Về phê duyệt phương án bồi thường chi phí tổ chức bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường C TDP D phường T thành phố B tỉnh Đắk Lắk (Đợt 3) đối với hộ gia đình bà T đối với diện tích thực tế sử dụng 4.833,7m².

[2.2] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 UBND thành phố B, thấy rằng:

Căn cứ vào các quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013 thì UBND thành phố Buôn Ma Thuột ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường C TDP D phường T T tỉnh Đắk Lắk (Đợt 3)” là đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thanh T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 10348/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường C TDP D phường T thành phố B tỉnh Đắk Lắk (Đ), HĐXX xét thấy:

[2.3.1] Về hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất:

Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 Luật đất đai 2013; Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì chi phí đầu tư vào đất còn lại “là chi phí mà người sử dụng đất đã đầu tư vào đất phù hợp với mục đích sử dụng đất nhưng đến thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất còn chưa thu hồi hết”. Mặc dù, hộ gia đình bà T sử dụng đất đúng mục đích sử dụng đất, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng gia đình bà T có đầu tư chi phí để cải tạo đất nhưng gia đình bà T không chứng minh được tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất gia đình bà vẫn chưa thu hồi hết các khoản chi phí bỏ ra để cải tạo đất. Hơn nữa Hợp đồng số 167/Đ1/2012/HĐ ngày 24/09/2012 của hộ bà Đỗ Thị Thanh T đã hết hạn ngày 31/12/2020. Do đó, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất của bà Đỗ Thị Thanh T.

[2.3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** đề nghị Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Khoản 1, Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**.

Theo kết quả xác minh hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp ngày 01/12/2021, thì hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** có 04 nhân khẩu là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Theo quy định tại Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP; khoản 1, Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND thì hộ gia đình của bà **Đỗ Thị Thanh T** đủ điều kiện và thuộc trường hợp Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Nên yêu cầu của bà **T** là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.3.3] Xét yêu cầu khởi kiện của hộ bà **Đỗ Thị Thanh T** đề nghị hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất chênh lệch (đất tăng thêm) chưa được bồi thường tổng diện tích là: 1.390,8m².

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền và người được uỷ quyền lại của người khởi kiện xin rút yêu cầu này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo uỷ quyền và người được uỷ quyền lại của người khởi kiện là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Đỗ Thị Thanh T** đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy một phần Quyết định số 10348/QĐ - UBND ngày 21/12/2022 **UBND Thành phố B** đối với yêu cầu: Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định Khoản 1, Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**; bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Đỗ Thị Thanh T** đối với yêu cầu Bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất và đình chỉ đối với yêu cầu hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất chênh lệch chưa được bồi thường tổng diện tích là: 1.390,8m²

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên người khởi kiện bà **Đỗ Thị Thanh T** không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban **thành phố B** phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 118 khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính;

Áp dụng Điều 65, 66, 82, 92 và Điều 93 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Áp dụng Khoản 1, Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thanh T.

Tuyên hủy một phần Quyết định số: 10348/QĐ- UBND ngày 21/12/2022 của UBND thành phố B và Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ cho gia đình bà Đỗ Thị Thanh T đối với khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định Khoản 1, Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

- Bác yêu cầu khởi kiện của của bà Đỗ Thị Thanh T về việc: Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung cho gia đình bà Đỗ Thị Thanh T về chi phí đầu tư vào đất còn lại;

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thanh T về việc buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho gia đình bà T về các khoản hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất chênh lệch tăng thêm chưa được bồi thường là: 1.390,8m².

Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Thanh T không phải chịu hành chính sơ thẩm

Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC Đà Nẵng;
- VKSNDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đinh Thị Tuyết

